

Số: 231/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 26 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số
và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông
về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an
toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk
Nông giai đoạn năm 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
97/TTr-STTTT ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Trưởng Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các doanh nghiệp CNTT, viễn thông;
- Công TTĐT tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Lưu VT, KTN (MNC).

11

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022
của UBND tỉnh Đắk Nông)

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 406/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông năm 2021, đã đạt được những kết quả như sau:

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 713/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về Kế hoạch triển khai thực hiện giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về triển khai, kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 415/KH-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh về triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tỉnh Đắk Nông năm 2021; Kế hoạch số 632/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ngoài ra, tỉnh Đắk Nông đã chủ động dự thảo các quy định, quy chế về vận hành, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số,... như: Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống quản lý và điều hành văn bản trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông; Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư công vụ điện tử trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông; Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông; Quy định quản lý, vận hành, sử dụng, kết nối và đảm bảo an toàn thông tin của mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Nông; Đề án thiết lập mạng WAN bằng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại cơ quan nhà nước các cấp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, ...

II. PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Hạ tầng kỹ thuật

Tổng số máy tính trong các cơ quan nhà nước hành chính của tỉnh là 3.128 máy, đạt tỷ lệ khoảng 98% cán bộ, công chức có máy vi tính làm việc. Đa số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã qua đào tạo, bồi dưỡng cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng máy vi tính trong công việc, đạt tỷ lệ khoảng 93%. 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao. Tuy nhiên tỉnh chưa triển khai ứng dụng dịch vụ điện toán đám mây. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai hệ thống giao ban trực tuyến với 80 điểm cầu, bảo đảm liên thông 03 cấp từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã (cụ thể: 01 điểm cầu đặt tại Văn phòng UBND tỉnh, 08 điểm cầu tại 08 huyện, thành phố và 71 điểm cầu tại 71 xã phường thị trấn).

Mạng truyền số liệu chuyên dùng: toàn tỉnh có 19/19 Sở, ngành; 8/8 UBND các huyện, thành phố; 71/71 UBND các xã, phường, thị trấn được cấu hình thống nhất sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước để sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và phần mềm dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử. Tuy nhiên, hầu hết các đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành đều chưa được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh.

2. Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu

Tỉnh Đắk Nông đã hoàn thành việc xây dựng Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0. Đồng thời, đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý. Thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, tỉnh Đắk Nông đã kết nối với 08¹ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia. Trong đó, tỉnh đã kết nối, khai thác chính thức các dịch vụ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

Hiện tại, đang tiến hành việc kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh như cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh...

3. Các ứng dụng, dịch vụ

- *Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice)*: đã được tích hợp chữ ký số, chứng thư số do Ban cơ yếu Chính phủ cấp đã được triển khai đồng bộ 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập). Đồng thời, phần mềm iOffice cũng đã được triển khai cài đặt trên thiết bị di động bảo đảm kịp thời cho việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp. Tuy

¹ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam.

nhiên, việc gửi nhận văn bản điện tử với các Bộ, ngành, đơn vị Trung ương qua trực liên thông văn bản Quốc gia mới chỉ triển khai cho 12² cơ quan, đơn vị.

- *Việc cung cấp và thực hiện ký số:* Việc cấp phát chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đã được triển khai đồng bộ 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập), cụ thể: 19/19 Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 UBND các xã, phường, thị trấn, 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc.

Tính đến hết tháng 11/2021, toàn tỉnh có 3.222 chứng thư số, chữ ký số được cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cán bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo, kế toán có chữ ký số, chứng thư số phục vụ công tác chuyên môn, trong đó: đang hoạt động 2.485 (có 492 chứng thư số cho tổ chức; 1.993 cho cá nhân), đã thu hồi 743 chứng thư số, chữ ký số.

Hiện nay, toàn tỉnh có 10 chữ ký số (Sim PKI) đủ điều kiện để ký số di động được triển khai thí điểm cho 03³ cơ quan, đơn vị sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành phiên bản 4.0 trở lên. Việc ký số trên thiết bị di động vẫn chưa được triển khai đồng bộ cho các cơ quan của tỉnh do Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh chưa được nâng cấp hoàn thiện, cụ thể: có 10 cơ quan sử dụng phiên bản 5.0; 02 cơ quan sử dụng phiên bản 4.0; còn lại sử dụng phiên bản 3.0.

Với việc sử dụng ứng dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng, hầu hết các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã thực hiện trao đổi văn bản điện tử thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, đạt tỷ lệ khoảng 95% (trừ những văn bản mật, văn bản liên quan đến hồ sơ tổ chức, cán bộ...). Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng chữ ký số cá nhân vẫn chưa bảo đảm, đa số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng chữ ký số để ký số trên văn bản điện tử như: Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Gia Nghĩa, UBND huyện Đắk Mil, UBND huyện Đắk Glong, UBND huyện Đắk Song, UBND huyện Krông Nô, ...

- *Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến:* Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh được triển khai cho toàn tỉnh bao gồm: 18/18 sở ngành tập trung tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 xã, phường, thị trấn; 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc. Cổng dịch vụ công trực tuyến đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh cung cấp 491 dịch vụ công mức độ 3 và 675 dịch vụ công mức độ 4, tỷ lệ dịch vụ công mức 4 đủ điều kiện đạt 100%; thực hiện kết nối 416 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức 3, 4 của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, đạt tỷ lệ 36% . Đồng thời, Cổng DVCTT của tỉnh đã được tích hợp với nền tảng thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

² Ban Dân tộc; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Thanh tra tỉnh; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông.

³ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong năm 2021, số lượng DVCTT mức 3, 4 có hồ sơ phát sinh là 370/1.166, đạt tỷ lệ 32% (trong đó: số DVCTT phát sinh hồ sơ mức 3 là 160, mức 4 là 210). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết mức độ 3, mức độ 4 chưa được cải thiện nhiều, cụ thể: số lượng hồ sơ được xử lý mức độ 3 là 64.632/ 193.667 (đạt tỷ lệ 33,4%), số lượng hồ sơ được xử lý mức độ 4 là 20.801/193.667 hồ sơ (đạt tỷ lệ 10,7%) (số liệu báo cáo đến ngày 15/12/2021).

- *Đối với triển khai chuẩn hoá chế độ báo cáo:* Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh được xây dựng vào năm 2020. Hiện tại, đã được kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Nhưng tỉnh vẫn đang sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

4. Nguồn nhân lực

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong các cơ quan nhà nước khối hành chính của tỉnh là 3.210 người; trong đó, số CBCCVC được bố trí nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố là 44 người bảo đảm 100% cơ quan hành chính có cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT, chưa có cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã. Chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố có trình độ đại học, cao đẳng CNTT đảm bảo cho việc triển khai và ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. An toàn thông tin

- Tỉnh đã triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (đặt tại Sở Thông tin và Truyền) thông bằng hình thức thuê dịch vụ; hệ thống phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

- Tuy nhiên, chưa triển khai kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT.

6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, chính quyền số của các cơ quan nhà nước năm 2021 là 22.639.373.567 đồng.

Tuy nhiên, kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án về an toàn thông tin mạng năm 2021 còn khá hạn chế là 1.645.000.000 đồng, chỉ đạt 6,8% trong tổng kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử (Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo).

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Kinh tế số bước đầu đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh, kế hoạch phát triển doanh nghiệp số cũng đã được ban hành, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số cũng đã được triển khai. Tỉnh Đắk Nông đã thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử <https://voso.vn> và <https://postmart.vn>. Đến nay, có khoảng 15% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và

các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo, ... với giá trị mua hàng trực tuyến đạt tương đối cao.

Tuy nhiên, doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh chỉ có 03 đơn vị, còn rất hạn chế. Tỷ trọng kinh tế số của tỉnh còn rất hạn chế, nhất là trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh doanh số. Hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh hầu như không chuyển biến nhiều.

IV. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ

Xã hội số đang được hình thành, hạ tầng và dịch vụ viễn thông ngày càng phát triển, tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động, thiết bị thông minh gia tăng nhanh và từng bước tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số phục vụ đời sống. Mạng lưới viễn thông đã được đầu tư, phát triển rộng khắp đến các khu vực trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng 4G đến 97% thôn, buôn, bon; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt khoảng 20%, tỷ lệ người dân sử dụng Internet là 55%, tổng số thuê bao di động hoạt động trên địa bàn tỉnh gần 7.000.000 thuê bao, đạt tỷ lệ 105 thuê bao/100 dân; tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh là khoảng 40%, 100% cơ sở giáo dục đã kết nối Internet băng rộng, số thuê bao Internet 79,75/100 dân, số thuê bao băng rộng di động 52,7 thuê bao/100 dân...; các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý nhà trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa; lập hồ sơ sức khỏe điện tử, ... Tỷ lệ người dân tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn điện tử đạt khoảng 15%.

Theo Báo cáo chỉ số đánh giá chuyển đổi số năm 2020, chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đứng thứ 54/63 tỉnh thành, cụ thể: chỉ số Chính quyền số đứng 60/63, chỉ số Kinh tế số 50/63 và chỉ số Xã hội số là 30/63.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị;

Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Chương trình số 57-CTr/TU ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của

Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, phiên bản 2.0;

Báo cáo chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2020;

Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình số 57-CTr/TU ngày 08/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn năm 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển Chính quyền số

Phát triển Chính quyền số trong nội bộ các cơ quan nhà nước:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai thông suốt 4 cấp chính quyền cho 100% các Sở, Ban, ngành, UBND các cấp; 92% văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước 4 cấp được trao đổi qua mạng (trừ văn bản thuộc bí mật nhà nước), tăng tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử ở cấp xã.

- 75% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 65% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 45% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc bí mật nhà nước).

- Phân đầu 50% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến.

- Phát huy tối đa hiệu quả của Hệ thống giao ban trực tuyến các cấp.

- 30% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục.

Ứng dụng CNTT cung cấp dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 100% Cổng/Trang Thông tin điện tử của các cơ quan hành chính Nhà nước cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ theo quy định.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trong đó tích hợp trên 60% lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến; 30% hồ sơ được xử lý trực tuyến; 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước; tiếp tục nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trên Cổng dịch vụ công tỉnh và Quốc gia.

- Tiếp tục tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển chính phủ điện tử và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh trên nền tảng tích hợp (LGSP) của tỉnh.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin:

- Tiếp tục bảo đảm an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các hệ thống thông tin thuộc chính quyền điện tử của tỉnh.

- 100% các máy tính đủ điều kiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh.

- Tối thiểu 70% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% người đứng đầu của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.

- 90% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

- 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội.

2. Phát triển kinh tế số

- Bước đầu hình thành hệ thống doanh nghiệp số.

- 10% doanh nghiệp vừa và nhỏ được trải nghiệm trên các nền tảng số.

- Tối thiểu 80% hóa đơn điện tử.

- 20% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Tỷ trọng doanh thu từ thương mại điện tử đạt 5%.

3. Phát triển xã hội số

- 30% dân số trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.

- 50% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử.

- 0,2% dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân.

- 1% người dân kết nối mạng được bảo vệ cơ bản.

- Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh 60%.

- Tối thiểu 50% hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động 3G/4G tới 100% thôn, bon, bản; số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tối thiểu 70%.

- Phần đầu 50% trường học, bệnh viện thanh toán không dùng tiền mặt.

- 5% người dùng Internet trên địa bàn tỉnh sử dụng ứng dụng bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản.

- 20% người dân sử dụng ứng dụng định danh số.

- 50% người dân của tỉnh có Hồ sơ sức khỏe điện tử và sử dụng ứng dụng PC-Covid.

III. NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Xây dựng lề lối, phương thức làm việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong tác nghiệp, sử dụng dữ liệu số triệt để, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính quyền số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ “Make in Việt Nam” trong các hệ thống Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh.

- Phối hợp, kết nối với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin (VNPT, Viettel, mobifone) trên địa bàn tỉnh tăng cường, hỗ trợ nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng thuê nhân sự CNTT trong giai đoạn chưa bố trí đủ nhân lực theo nhu cầu để đáp ứng yêu cầu công việc. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ để phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và phát triển CNTT.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Chủ động hợp tác với các địa phương trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.

- Nghiên cứu, thăm quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng Đô thị thông minh, Chính quyền số của một số các tỉnh, thành bảo đảm phù hợp với điều kiện của tỉnh.

4. Gắn kết với cải cách hành chính

Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngoài ngân sách Trung ương hỗ trợ cho việc phát triển Chính quyền số của tỉnh hàng năm, địa phương cân đối bổ sung nguồn kinh phí còn lại.

2. Về ngân sách địa phương: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, phân bổ dự toán về chi ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch trong dự toán hàng năm của tỉnh đảm bảo tối thiểu 1% chi ngân sách tỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khuyến khích, tăng cường các cơ quan, đơn vị, địa phương thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đảm bảo nguồn kinh phí chi thường xuyên để nâng cấp hạ tầng máy tính, duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm và đường truyền đã xây dựng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Thông tin và Truyền thông):

Thường xuyên cập nhật, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ, đột xuất tổ chức họp Ban Chỉ đạo để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, địa phương triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Quyết định, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông hàng năm đảm bảo các mục tiêu, lộ trình theo Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: trên cơ sở danh mục các dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch đầu tư công của năm.

- Sở Tài chính: tổng hợp nhu cầu, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch.

4. Các Sở, Ban, ngành; Công an tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch được ban hành tại Quyết định này, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của ngành, địa phương mình, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

- Triển khai thực hiện ứng dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung, phần mềm ứng dụng quản lý chuyên ngành theo mục đích, yêu cầu sử dụng; khi triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành phải đảm bảo tính đồng bộ, có khả năng tích hợp, liên kết được với các hệ thống dùng chung đã xây dựng và

tránh đầu tư trùng lặp với các hệ thống của Bộ, ngành Trung ương. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nền tảng tích hợp vào Nền tảng chia sẻ tích hợp của tỉnh (LGSP).

- Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường thông tin, tuyên truyền về Chuyển đổi số, tập trung vào nội dung phát triển Xã hội số, ít nhất mỗi tuần có một (01) tin, bài.

- Chủ động triển khai, theo dõi, đôn đốc các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định này.

5. Các cơ quan báo chí, truyền thông

- Các cơ quan báo chí của tỉnh (Báo Đắc Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Tạp chí Năm Nung): Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số trên các sản phẩm báo chí của đơn vị nhằm nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số, thường xuyên cập nhật thông tin mới từ các cơ quan chức năng về Chuyển đổi số và kết quả xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số; Phản ánh kịp thời các hoạt động của các tổ chức và cá nhân tích cực tham gia công tác này. Thời lượng tuyên truyền phải phù hợp, nội dung mang tính phản ánh, giáo dục cao, tập trung vào mọi đối tượng, tầng lớp, vùng miền trong xã hội.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh: Đặt baner, xây dựng chuyên mục về Chuyển đổi số, trong đó tập trung các tin, bài phản ánh về xây dựng hệ thống Chính quyền số. Ít nhất mỗi tuần có một (01) tin, bài trong Chuyên mục nêu trên.

6. Các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông của tỉnh

Tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh. Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, giải quyết./.



PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO ỨNG DỤNG CNTT, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hạng mục, dự án	Đơn vị triển khai	Danh mục đầu tư	Kinh phí
1	Nâng cấp trang thiết bị Công nghệ thông tin Sở Giao thông - Vận tải để triển khai thực hiện Công Dịch vụ công Quốc gia”	Sở Giao thông vận tải	Hạ tầng	1.622.000.000
2	Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Phần mềm	1.500.000.000
3	Xây dựng trang thông tin điện tử Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phần mềm	478.000.000
4	Phần mềm hệ thống quản lý lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử	Sở Nội vụ	Phần mềm	2.912.000.000
5	Phần mềm số hóa văn bản, tài liệu và tạo lập cơ sở dữ liệu	Huyện Đắk Song	Phần mềm	2.998.000.000
6	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Sở kế hoạch và Đầu tư	Sở kế hoạch và Đầu tư	Hạ tầng	728.000.000
7	Phần mềm quản lý hồ sơ, ngân sách thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Phần mềm	480.000.000
8	Cải tạo và lắp đặt phòng họp họp tuyến văn phòng thường trực BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh	BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh	Hạ tầng	479.000.000
9	Nâng cấp trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	Văn phòng HĐND tỉnh	Phần mềm	480.000.000

10	Trang bị phần mềm đánh giá cán bộ, công chức	TP Gia Nghĩa	Phần mềm	2.500.000,000
11	Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	3.000.000.000
12	Mở rộng hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Hạ tầng, phần mềm	5.221.000.000
13	Xây dựng kiến trúc tham chiếu ICT tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Chính sách	240.000.000
TỔNG CỘNG				22.638.000.000

TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO AN TOÀN THÔNG TIN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hạng mục, dự án	Đơn vị triển khai	Danh mục đầu tư	Kinh phí
1	Xây dựng trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	1.200.000.000
2	Gia hạn bản quyền phần mềm phòng chống mã độc tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần mềm	430.000.000
TỔNG CỘNG				1.630.000.000

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHUYỂN ĐỔI SỐ,
AN TOÀN THÔNG TIN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án, nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tình trạng	Thời gian triển khai	Nguồn kinh phí
I	Môi trường pháp lý					
1	Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực công nghệ thông tin, an toàn thông tin; khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động xây dựng Đô thị thông minh, công nghệ số của tỉnh; khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	
2	Nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	2022	
3	Xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	2022	
4	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông, phòng VHTT tại các huyện, thành phố. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để quản lý, vận hành, triển khai thực hiện chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND địa phương	Nhiệm vụ mới	2022	
II	Phát triển Chính quyền số					
	Phát triển hạ tầng kỹ thuật					
5	Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Dự án mới	2022-2025	Ngân sách tỉnh

6	Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao và nâng cấp Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên toàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông, doanh nghiệp viễn thông	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022-2025	Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện
7	Nâng cấp hạ tầng máy tính, thiết bị mạng, thiết bị đầu cuối, thiết bị an toàn thông tin, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ Ipv4 sang Ipv6	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách huyện, xã hội hóa
8	Nâng cấp Công thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử, tích hợp trang thành phần với Công thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2021-2022	Ngân sách tỉnh
9	Xây dựng hệ thống hợp không giấy tờ của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2021-2022	Ngân sách tỉnh
10	Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật Internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNS/DNSSEC tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
<i>Phát triển các hệ thống nền tảng, dữ liệu</i>						
11	Triển khai các nền tảng từ Trung ương	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	2022-2025	
12	Xây dựng, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Các sở, ban, ngành		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	
13	Kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia với Nền tảng tích hợp của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	Ngân sách tỉnh
14	Triển khai cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các Sở, Ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
15	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
<i>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ</i>						

16	Nâng cấp Hệ thống quản lý và điều hành văn bản của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	
17	Duy trì và hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2022	
18	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	2022-2025	
19	Duy trì hệ thống, ứng dụng đã triển khai	Các đơn vị thụ hưởng, triển khai	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Hàng năm	Hàng năm	
20	Xây dựng và triển khai Đề án chỉnh lý tài liệu lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	2021-2024	Ngân sách tỉnh
21	Số hóa tài liệu lưu trữ theo Kế hoạch số 847/KH-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ mới	2022-2025	Ngân sách tỉnh
22	Triển khai báo cáo qua hệ thống thông tin kinh tế - chính trị tỉnh Đắk Nông	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Hàng năm	
23	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Hàng năm	
24	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động giải đáp về các thủ tục hành chính công của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	2022-2023	
25	Ứng dụng lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh

26	Ứng dụng theo dõi thực hiện nhiệm vụ được giao	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
27	Ứng dụng Bản đồ dịch tễ Covid-19	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
28	Ứng dụng theo dõi F1 cách ly y tế tại nhà	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
Bảo đảm an toàn thông tin						
29	Duy trì hệ thống phòng, chống mã độc	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Hàng năm	Ngân sách tỉnh
30	Duy trì, nâng cấp hệ thống giám sát an toàn thông tin của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		Nhiệm vụ chuyển tiếp	Hàng năm	Ngân sách tỉnh
31	Tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	Liên Sở: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo		Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Ngân sách tỉnh
32	Tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Liên Sở: Thông tin và Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội		Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Ngân sách tỉnh
Tuyên truyền nâng cao nhận thức - Phát triển nguồn nhân lực						
33	Thực hiện Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Ngân sách tỉnh

34	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	Báo Đắk Nông; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Công Thông tin điện tử tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các địa phương, các cơ quan truyền thông, báo chí	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
35	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số	Báo Đắk Nông; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Công Thông tin điện tử tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, Ban, ngành, địa phương	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	Ngân sách tỉnh
36	Phổ biến, tuyên truyền về tình hình triển khai, định hướng chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương			Hàng năm	
III	Thí điểm Chuyển đổi số					
37	Thí điểm Chuyển đổi số lĩnh vực Văn hóa, Du lịch	Liên Sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
38	Thí điểm Chuyển đổi số lĩnh vực Nông nghiệp	Liên Sở: Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách tỉnh
39	Thí điểm Chuyển đổi số tại Thành phố Gia Nghĩa (trong đó, có thí điểm 02 cấp xã)	Sở Thông tin và Truyền thông – UBND thành phố Gia Nghĩa		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách thành phố Gia Nghĩa
40	Thí điểm Chuyển đổi số tại huyện Đắk Mil (trong đó, có thí điểm 02 cấp xã)	Sở Thông tin và Truyền thông – UBND huyện Đắk Mil		Nhiệm vụ mới	2022	Ngân sách UBND huyện Đắk Mil
IV	Phát triển Kinh tế số					
41	Phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Kế hoạch và	Sở Thông tin và	Nhiệm vụ	Hàng năm	

		Đầu tư	Truyền thông	mới		
42	Phổ cập hóa đơn điện tử	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
43	Thúc đẩy thương mại điện tử theo định hướng của Bộ Công thương	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
V	Phát triển Xã hội số					
44	Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các địa phương, các doanh nghiệp viễn thông	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
45	Phổ cập danh tính số toàn dân theo hướng dẫn của Bộ Công an	Công an tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
46	Phổ cập an toàn thông tin mạng toàn dân theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các địa phương	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
47	Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
48	Phổ cập dạy học trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
49	Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số theo định hướng của Ngân hàng nhà nước	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các sở ngành có liên quan	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
VI	Các hoạt động khác					
50	Tổ chức các đoàn công tác của Thường trực Ủy ban làm việc với một số bộ, ngành, địa phương để đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra	Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh	Tổ giúp việc Ban chỉ đạo	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	
51	Họp Sơ kết 6 tháng và Tổng kết cuối năm họp trực tuyến với Ban chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương.	Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh	Tổ giúp việc Ban chỉ đạo	Nhiệm vụ mới	Hàng năm	